TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2024/DS-ST
Ngày 08-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

2. Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 ,giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Ánh X, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:*

01. Ông Vũ Đức L, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

02. Bà Trần Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lý Ánh X trình bày: Bà và ông Vũ Đức L, bà Trần Thị T hộ khẩu thường trú ấp T, xã K là người quen của nhau. Do làm kinh tế bị thua lỗ nên vào tháng 11/2022 âm lịch, ông Vũ Đức L và bà Trần Thị T có đến nhà bà ở ấp Đ, xã K hỏi mượn bà 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) mượn không có lãi. Hai bên có lập giấy nhận nợ và ông L, bà T có thế chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Đức L

được UBND huyện Trần Văn T1 chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127193, ngày 24/02/1996: thửa đất số 0225, tờ bản đồ số 07, địa chỉ thừa đất ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, diện tích đất 17.570m^2

Ông Vũ Đức L có hứa với bà nếu mượn được tiền sẽ trả cho bà trước 100.000.000 đồng, bà sẽ đưa lại cuốn số Giấy CNQSDĐ cho ông L để ông bán miếng đất đó trả hết số tiền nợ còn lại cho bà. Sau đó ông L không thực hiện đúng lời hứa, bà có liên hệ với ông nhiều lần nhưng ông Vũ Đức L vẫn không trả.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà T trả cho bà số tiền 650.000.000 đồng và không yêu cầu lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Vũ Đức L và bà Trần Thị T không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và thẩm quyền giải quyết: Bà Lý Ánh X khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ việc vay mượn nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Vũ Đức L và bà Trần Thị T cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Đức L, bà Trần Thị T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét về chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để bị đơn có ý kiến cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng bị đơn không chấp hành. Do đó Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, xét thấy: Quá trình làm việc, bà có cung cấp giấy biên nhận không ghi ngày có chữ ký của ông Vũ Đức L. Theo bà X xác nhận việc nhận nợ được thực hiện vào tháng 02 năm 2022. Giấy nhận nợ này chỉ có chữ ký của bên đương sự, chưa được công chứng chứng thực. Tuy nhiên, trên nội dung giấy nhận nợ thể hiện ông L mượn tiền bà X để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế bà X vẫn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Vũ Đức L. Mặc khác, Tòa án có tiến hành thông báo chứng cứ cho ông L, bà T thông qua việc niêm yết tài liệu chứng cứ này cũng như thông báo thụ lý của Tòa án nhưng ông L, bà T không có ý kiến gì. Như vậy nội dung trên giấy biên nhận phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định ông L có nhận của bà X 650.000.000 đồng. Mặc dù ông L và bà T đã ly hôn theo bản án

số 369 ngày 07/11/2023 của Toà án Trần Văn T1 nhưng khoản vay mượn được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và mục đích ông L vay mượn là để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên áp dụng Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản vay này được xem là để phục vụ nhu cầu của gia đình và bà T có phải cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông L. Bà X yêu cầu trả nợ, áp dụng khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, buộc ông L, bà T liên đới trả cho bà X số tiền 650.000.000 đồng, trong đó phần của ông L và phần của bà T là 325.000.000 đồng. Bà X không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đối với việc cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127193 của UBND huyện T cấp ngày 24/02/1996 thửa đất số 0225, tờ bản đồ số 07, địa chỉ thừa đất ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau của ông Vũ Đức L. Mặc dù việc cầm cố là không đúng quy định của pháp luật nhưng ông L, bà T không có tranh chấp gì và bà X cũng không yêu cầu xử lý nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có tranh chấp về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Vũ Đức L, bà Trần Thị T phải chịu 20.000.000 đồng + (650.000.000 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 30.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Buộc ông Vũ Đức L, bà Trần Thị T liên đới trả cho bà Lý Ánh X 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng; trong đó phần của ông Vũ Đức L là 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng và phần của bà Trần Thị T là 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Vũ Đức L, bà Trần Thị T phải chịu 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà Lý Ánh X số tiền là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà X đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004984 ngày 17 tháng 5 năm

2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp